TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP ĐBP** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16** /2017/DS- ST
Ngày: 27-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP ĐBP, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và ông Hồ Bá Thành;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân Tp ĐBP, tỉnh Đ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp ĐBP, tỉnh Đ tham gia phiên toà: Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp ĐBP, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2017/TB-TLTA ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Quàng Văn Đ; địa chỉ: Bản Nà L 2, xã Nà T, huyện ĐB, tỉnh ĐB - vắng mặt;

Bà Lường Thị D; địa chỉ: Bản Nà L 2, xã Nà T, huyện ĐB, tỉnh ĐB - có mặt;

Bị đơn: Bà Lưu Thị L; Địa chỉ: Số nhà 40, tổ dân phố 14, phường Mường T, Tp ĐBP, tỉnh Đ - có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Quàng Văn Đ và bà Lò Thị D trình bày:

Vợ chồng ông Quàng Văn Đ và bà Lường Thị D có quen biết bà Lưu Thị L L từ trước. Tháng 9/2016 bà L có nhận 120.000.000 đồng của ông Đ, bà D để xin việc nhưng viết giấy với nội dung vay tiền. Do không xin được việc nên bà L đã trả lại 50.000.000 đồng và thu lại giấy vay tiền đã viết, còn lại 70.000.000 đồng bà L nói trừ vào tiền gốc và lãi khoản tiền 31.000.000 đồng ông Đ và bà D đã vay bà L năm 2013 với lãi suất 3% một tháng, bà L tính lãi và gốc thành 72.830.000 đồng. Ông Đ và bà D không đồng ý việc này vì thực tế chỉ vay 10.000.000 đồng vào năm 2008, lãi 3% một tháng; đến ngày 10/01/2013 bà L bắt ông Đ, bà D viết thành giấy vay 31.000.000 đồng, lãi suất 3% một tháng.

Ông Đ, bà D đã đề nghị Công an thành phố ĐB Phủ giải quyết về việc bà L cho vay nặng lãi và nộp cho Công an giấy vay tiền ngày 10/01/2013 do ông Đ viết, nhưng Công an trả lời không có dấu hiệu hình sự. Vì vậy ông Đ và bà D khởi kiện yêu cầu bà L trả khoản tiền 70.000.000 đồng, không tính lãi; không đồng ý khấu trừ nợ như bà L đã tính.

Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 06/8/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Lưu Thị L trình bày:

Bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Diện. Giữa bà L với ông Đ, bà D trước đây có việc vay mượn tiền của nhau, không có việc bà L nhận tiền xin việc hộ. Cụ thể: Ngày 10/01/2013 bà L có cho vợ chồng ông Đ và bà D vay số tiền 31.000.000 đồng, lãi suất 3% một tháng, thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời hạn vay 12 tháng. Đến hạn ông Đ, bà D không trả tiền gốc và lãi mặc dù bà L đã đòi nhiều lần. Khoảng cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 2016, để giải quyết việc gia đình bà L có vay lại ông Đ, bà D số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 3% một tháng, việc vay có lập giấy tờ (*lần đầu vay 90.000.000 đồng, lần hai vay 30.000.000 đồng*). Hai bên không đối trừ nợ ngay vì những khoản tiền cho nhau vay có lãi suất bằng nhau và thống nhất sẽ tính toán sau.

Đầu tháng 10/2016, bà L đã hai lần trả cho ông Đ, bà D tổng số tiền 50 triệu đồng: lần đầu trả 40 triệu đồng, đồng thời T toán đối trừ 31.000.000 đồng tiền gốc và 41.830.000 đồng lãi (*tổng cộng 72.830.000 đồng*) mà ông Đ, bà D vay bà L ngày 10/01/2013; thống nhất trừ 70.000.000 đồng vào số tiền bà L vay ông Đ, bà D; còn lại 2.830.000 đồng trừ vào tiền lãi bà L phải trả ông Đ, bà D. Việc tính toán đối trừ nợ, bà L có lập thành văn bản, nhưng vì tin nhau nên bà L không yêu cầu

ông Đ, bà D ký. Sau khi tính toán, bà L còn nợ ông Đ, bà D 10.000.000 đồng và viết lại giấy vay; 10.000.000 đồng này bà L đã trả cho ông Đ, bà D. Hai bên đã giao lại cho nhau Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy vay tiền. Bà L không yêu cầu phản tố trong vụ án này vì cho rằng hai bên đối trừ nợ là xong.

Qúa trình hòa giải, ngày 08/9/2017 hai bên thỏa thuận: Bà L có trách nhiệm trả cho ông Đ, bà D 28.000.000 đồng; hủy toàn bộ các giấy tờ vay đã lập trước khi thỏa thuận. Ngày 12/9/2016 bà L thay đổi ý kiến đã thỏa thuận vì cho rằng, khoản tiền gốc và lãi của số tiền ông Đ, bà D vay năm 2013 sẽ nhiều hơn số tiền 70.000.000 đồng bà L phải trả. Nếu ông Đ, bà Diện không rút đơn thì Bà L sẽ khởi kiện một vụ án khác để yêu cầu ông Đ, bà D trả số tiền 31.000.000 đồng đã vay, với lãi suất 3%/tháng từ năm 2013.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp ĐBP, tỉnh Đ: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 21/7/2017 vợ chồng ông Quàng Văn Đ và bà Lường Thị D nộp đơn khởi kiện về việc đòi tài sản tại Tòa án nhân dân Tp ĐBP, tỉnh Đ đối với bà Lưu Thị L có địa chỉ tổ dân phố 14, phường Mường T, Tp ĐBP, tỉnh Đ Biên. Ông Đ và bà D là hộ nghèo, có giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã Nà T, huyện ĐB, tỉnh ĐB; thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Cùng ngày Tòa án nhân dân Tp ĐBP, tỉnh Đ đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đ và bà D theo Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa ông Quàng Văn Đ và bà Lường Thị D với bà Lưu Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp ĐBP, tỉnh Đ theo khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện: Ông Quàng Văn Đ và bà Lường Thị D có quen biết với bà bà Lưu Thị L từ trước, hai bên đã từng có việc cho nhau vay tiền để giải quyết việc gia đình. Khoảng cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 2016, bà L có vay của ông Đ, bà D số tiền 120.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tờ về việc này. Bà L đã trả cho ông Đ, bà D số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng bà L trừ vào số tiền 31.000.000 đồng gốc và lãi theo giấy vay tiền ông Đ viết ngày 10/01/2013. Tuy nhiên, ông Đ, bà D không đồng ý và yêu cầu bà L phải trả số tiền 70.000.000 còn lại trong số 120.000.000 đã vay vì cho rằng, chỉ nợ bà L 10.000.000 đồng vào năm 2008, lãi xuất 3%; giấy vay 31.000.000 đồng do bà L tính lãi cộng gốc khoản vay 10.000.000 đồng và bắt ông Đ, bà D lại giấy vay. Bà L không chứng minh được việc hai bên đã thỏa thuận đối trừ các khoản nợ với nhau, bản tính toán nợ gốc và lãi chỉ có mình bà L ký, nên không có cơ sở để chấp nhận việc hai bên đã thỏa thuận đối trừ nợ xong. Yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Diện là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bà L có quyền khởi kiện vụ án khác để giải quyết khoản nợ mà bà L cho rằng đã cho ông Đ, bà D vay.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quàng Văn Đ và bà Lường Thị D, bà Lưu Thị L phải trả cho ông Quàng Văn Đ và bà Lường Thị D số tiền 70.000.000 (*Bảy mươi triệu*) đồng.

2. Về án phí: Bà Lưu Thị L phải chịu 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Quàng Văn Đ và bà Lường Thị D cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bà Lưu Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*27/9/2017*); đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND TPĐBP;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS TPĐBP;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung

Nơi nhận:
- *VKSND TPĐBP;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS TPĐBP;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP ĐBP
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 33 phút, ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân Tp ĐBP, tỉnh Đ; với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;
- Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Thành và bà Nguyễn Thị Lan;

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 77/2017/TLST -DSTC ngày 21 tháng 7 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Quàng Văn Đ và bà Lò Thị D; Địa chỉ: Bản Nà L 2, xã Nà T, huyện ĐB, tỉnh ĐB;

Bị đơn: Bà Lưu Thị L; Địa chỉ: Số nhà 40, tổ dân phố 14, phường Mường T, Tp ĐBP, tỉnh Đ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật có liên quan;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 433 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quàng Văn Đ và bà Lường Thị D, bà Lưu Thị L phải trả cho ông Quàng Văn Đ và bà Lường Thị D số tiền 70.000.000 (*Bảy mươi triệu*) đồng.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

2. Về án phí: Bà Lưu Thị L phải chịu 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

3. Nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Quàng Văn Đ và bà Lường Thị D cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bà Lưu Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*27/9/2017*); đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

Việc nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 45 phút, ngày 27 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan **Hồ Bá Thành** **Vũ Thị Nhung**